

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1144/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2018
V/v Ly hôn giữa chị M và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm:

1. Ông Thái Văn Sơn

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị M, sinh năm: 1986

HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Ấp Vĩnh Thế, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Tổ X, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị M trình bày: Chị M và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70, Quyền số: 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 7 năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống ở bên nhà chồng tại địa chỉ: Tổ Z, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi về chung sống được một thời gian thì anh T

bộc lộ những thói hư tật xấu, thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, nhiều lần chị M phải trả nợ thay cho chồng, ngoài ra anh T còn thường uống rượu, bỏ bê không chăm lo cho gia đình, về nhà kiếm chuyện chửi bới đánh vợ, chị M đã nhiều lần bỏ qua, khuyên nhủ để chồng sửa đổi nhưng anh T vẫn chứng nào tật đấy không thay đổi dẫn đến vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào tháng 01/2017, dẫn đến chị M dẫn theo hai con bỏ về nhà cô ruột tại An Giang sinh sống cho đến nay. Chị M xác định thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nên chị M kiện yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị M và anh T có 03 người con chung H1, sinh ngày: 24/8/2006; H2, sinh ngày: 13/5/2015 và H3, sinh ngày: 10/9/2016. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu H2 và H3, với lý do hai cháu còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, hiện nay hai cháu đang ở với mẹ, chị M có công việc ổn định với mức thu nhập gần 4,000,000 đồng/tháng, đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống của chị và hai con, vì vậy chị M chưa yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu H2 và H3. Đối với cháu H1, chị M đề nghị được giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu đang ở với bố.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M xác định không có.

Bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ hai lần tự khai và hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không có lời khai, đồng thời Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của chị M tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa thể hiện giữa chị M và anh T chỉ hạnh phúc được một khoảng thời gian, bắt đầu từ năm 2016 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Thực tế theo xác minh Công an xã Phước Hiệp về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị M và anh T xác nhận hiện nay chị M không còn chung sống với anh T, đi đâu làm gì không rõ. Như vậy, có căn cứ để xác định giữa chị M và anh T đã ly thân từ năm 2016 đến nay là 02 năm. Xét thấy việc ly thân này thể hiện giữa hai vợ chồng đã không còn tình nghĩa vợ chồng, việc yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau hàng ngày đã không tồn tại. Anh T đã vi phạm nghĩa vụ làm chồng, không quan tâm, chăm sóc gia đình, còn có hành vi chửi bới và đánh đập chị M nhưng khi được Tòa án thông báo và triệu

tập tham gia các phiên hòa giải anh không tham gia, điều này thể hiện anh T không có thiện chí và cũng như mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M với anh T.

Về quan hệ con chung: Có 03 con chung, hiện hai con chung là trẻ H2 và H3 đang sống với chị M, còn trẻ H1 hiện sống với anh T. Xét thấy chị M có nguyện vọng nuôi hai trẻ H2 và H3 là có cơ sở để chấp nhận do hiện hai trẻ đang sống với chị M, ngoài ra hai trẻ còn nhỏ nên việc để chị M chăm sóc là đảm bảo cho hai trẻ được phát triển tâm sinh lý toàn diện. Đối với trẻ H1, chị M nguyện vọng để cho anh T nuôi là phù hợp với nguyện vọng của trẻ cũng như để ổn định tâm sinh lý của trẻ, do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị M.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị M là được ly hôn với anh T. Chị M được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung H2 và H3, giao con chung H1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Đây là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Củ Chi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về tố tụng:* Anh T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

Xét thấy vụ án này Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phải tham gia phiên tòa theo quy định.

Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Chị M và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70, Quyền số: 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 7 năm 2006. Căn cứ Điều 9; Điều 11 và Điều 12

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M và anh T, theo nguyên đơn xuất phát từ việc anh T chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, bỏ bê không chăm lo cho gia đình, ngoài ra còn thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi bới, đánh vợ làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, thường xảy ra xích mích, cãi vã nhau, đỉnh điểm xảy ra vào tháng 01/2017 dẫn đến chị M dẫn theo hai con bỏ về An Giang sống cho đến nay. Xét lời khai của nguyên đơn đưa ra phù hợp với chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện tại Phiếu yêu cầu xác minh số 293/TAHCC ngày 26 tháng 4 năm 2018, Công an xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời *“Anh T có hộ khẩu thường trú tại tổ X, Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang có mặt tại địa phương. Chị M hiện không có mặt tại đại phương. Hiện tại ở địa phương hai người không sống chung”*, như vậy cho thấy quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị M và anh T đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu và trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay như chị M đã trình bày. Xét thấy thời gian vợ chồng chị M và anh T ly thân đến nay đã lâu và đây cũng là khoảng thời gian để anh T nhìn nhận lại bản thân, để khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm nhưng cho đến nay anh T vẫn không thay đổi. Theo kết quả xác minh thì anh T hiện đang cư trú tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt, cho thấy anh T không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng.

Từ những căn cứ, phân tích nêu trên, có cơ sở xác định, quá trình chung sống anh T đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm a Mục 8 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu H2, sinh ngày: 13/5/2015 và H3, sinh ngày: 10/9/2016. Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên không rõ yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với hai cháu H2 và H3 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, hai cháu chưa đủ bảy tuổi do đó không cần có lời khai để xem xét nguyện vọng của hai cháu muốn ở với ai sau khi cha mẹ ly hôn. Hiện tại, chị M là công nhân đang làm việc tại Công ty TNHH An Giang SAMHO, có công việc và mức thu nhập ổn định, hiện nay hai cháu H2 và H3 đang ở với mẹ, do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, tại phiên tòa chị M cũng đã đưa ra được hướng cụ thể về cách dạy dỗ, chăm sóc con nên được giao trực tiếp nuôi dưỡng nên việc giao hai cháu H2 và H3 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu H1, sinh ngày: 24/8/2006, tại

Bản tự khai ngày 04/6/2018, cháu H1 trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn, xét nguyện vọng trên của cháu là tự nguyện đồng thời cũng phù hợp với đề nghị của chị M nên ghi nhận. Cháu H1 mới 12 tuổi, cháu H2 mới 03 tuổi và cháu H3 mới 02 tuổi cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ, căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của các con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần, theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần giao hai cháu H2 và H3 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu H1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con để nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, nhưng chị M chưa yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu H2 và H3. Xét việc chị M chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với hướng dẫn tại điểm a Mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Đối với cháu H1 do bị đơn vắng mặt nên không rõ yêu cầu, vì vậy không có căn cứ để xem xét. Trường hợp nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung. Trường hợp nếu sau này một trong các bên đương sự có tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Về nợ chung: Chị M xác định không có nợ chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300,000đ (ba trăm nghìn đồng), chị M phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0032181 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị M.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị M và anh T.

1.2. Về nuôi con chung:

1.2.1. Giao hai con chung H2, sinh ngày: 13/5/2015 và H3 sinh ngày: 10/9/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc chưa yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

1.2.2. Giao con chung H1, sinh ngày: 24/8/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T và chị M được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con, vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét về tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Chị M xác định không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300,000đ (ba trăm nghìn đồng), chị M phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0032181 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- UBND xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

